

KẾ HOẠCH

Kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2026 trên địa bàn xã Vĩnh Phong

Căn cứ Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về phát triển kinh tế - xã hội năm 2026; Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc giao nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 03-NQ/ĐU ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Đảng ủy xã Vĩnh Phong về phương hướng, nhiệm vụ năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Vĩnh Phong về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026;

Nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo tinh thần “6 rõ”, đồng thời đảm bảo hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, Ủy ban nhân dân xã xây dựng Kế hoạch kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2026, với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

Phấn đấu đạt mức cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 theo Nghị quyết đã đề ra. Tiếp tục tập trung các nhiệm vụ trọng tâm để phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng 11% năm 2026. Đổi mới mạnh mẽ, dứt khoát, toàn diện trong quản lý kinh tế, đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới. Đẩy mạnh chuyên dịch cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số làm động lực chính. Tập trung tối đa nguồn lực để đầu tư, từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông, để thúc đẩy phát triển thương mại và dịch vụ, tăng cường giao lưu kinh tế, đẩy mạnh liên kết vùng. Tập trung cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đảm bảo môi trường kinh doanh bình đẳng, thuận lợi cho doanh nghiệp và nhà đầu tư. Phát triển kinh tế gắn liền với an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng, trật tự xã hội.

II. KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Căn cứ mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026 của xã Vĩnh Phong và trên cơ sở tổng giá trị sản phẩm năm 2025, tiềm năng tăng trưởng phát triển của các

ngành, lĩnh vực kinh tế trên địa bàn, Ủy ban nhân dân xã xây dựng kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2026 như sau:

1. Mục tiêu Quý I/2026: Phấn đấu tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn đạt từ 7-8%.

2. Mục tiêu Quý II/2026: Phấn đấu tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn đạt từ 10-11%.

Lũy kế 6 tháng đầu năm: Phấn đấu tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn đạt 9,5%.

3. Mục tiêu Quý III/2026: Phấn đấu tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn đạt từ 12-13%.

Lũy kế 9 tháng đầu năm: Phấn đấu tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn đạt 11%.

4. Mục tiêu Quý IV/2026: Phấn đấu tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn đạt từ 13-14%.

Lũy kế cả năm 2026: Phấn đấu tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn đạt từ 11-12,02%.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã, các ngành có liên quan và Trưởng ấp các ấp trên địa bàn xã, căn cứ Kế hoạch này để tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp, với thời gian và lộ trình, nguồn lực cụ thể để đạt kết quả cao nhất kịch bản tăng trưởng năm 2026 với phương châm **“Kỷ cương trách nhiệm; chủ động kịp thời; đổi mới sáng tạo; tăng tốc đột phá”** và tinh thần **“06 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền”**. Trong đó, các cơ quan, đơn vị, các ấp trên địa bàn cần tập trung một số giải pháp trọng tâm như sau:

1. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp duy trì tăng trưởng các ngành, lĩnh vực chủ yếu

a) Lĩnh vực nông, lâm, thủy sản

- Triển khai thực hiện tốt Chương trình hành động số 09-CT/TU, ngày 08/12/2025 của Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 199-KL/TW, ngày 10/10/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về kinh tế - xã hội năm 2025 - 2026. Quan tâm xây dựng quy hoạch vùng, quy hoạch chung đô thị xã. Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế của xã phù hợp với quy hoạch vùng và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Phát triển giống cây trồng, vật nuôi, xây dựng thương hiệu nông sản đặc sản, triển khai có hiệu quả Đề án “Mỗi xã một sản phẩm”. Tiếp tục phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác gắn với tổ chức sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị. Phấn đấu tổng sản lượng lúa năm 2026 ước đạt 44.040 tấn.

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo mô hình tôm - lúa - màu; tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm; khuyến khích phát triển nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, sinh thái. Ưu tiên đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng đa dạng hóa đối tượng nuôi, gắn với ứng dụng khoa học - công nghệ, kiên quyết bảo đảm vệ sinh môi trường, phát triển bền vững; vận động Nhân dân duy trì thực hiện hiệu quả các mô hình nuôi kết hợp tôm - cua - cá và các loại thủy sản có giá trị kinh tế cao. Khuyến khích phát triển chăn nuôi tập trung, an toàn sinh học, từng bước giảm chăn nuôi nhỏ lẻ. Tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về kinh tế tập thể; khuyến khích thành lập hợp tác xã mới ở những nơi đủ điều kiện, nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã hiện có.

- Quan tâm theo dõi, giám sát chặt chẽ tình hình bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản để có những biện pháp ứng phó, kịp thời hướng dẫn, hỗ trợ người dân giảm thiểu thiệt hại đối với sản xuất nông nghiệp.

b) Lĩnh vực công nghiệp

- Duy trì, ổn định, mở rộng tạo điều kiện để phát huy thế mạnh của các doanh nghiệp đóng trên địa bàn xã, làng nghề truyền thống. Khuyến khích mở rộng quy mô, phát triển các cơ sở chế biến, giữ vững các ngành nghề truyền thống và thủ công... giải quyết việc làm cho lao động, góp phần tăng tỷ trọng tiểu thủ công nghiệp - xây dựng.

- Thường xuyên theo dõi, nắm tình hình sản xuất của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp nhằm kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp. Hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn tham gia chương trình khuyến công. Tham gia hội chợ, trưng bày sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm đạt chứng nhận OCOP.

- Thường xuyên rà soát, đánh giá tình hình hoạt động và củng cố, kiện toàn nâng cao chất lượng hoạt động các hợp tác xã, tổ hợp tác hiện có; đồng thời khuyến khích thành lập hợp tác xã mới ở những nơi đủ điều kiện. Tăng cường xây dựng, quảng bá và bảo hộ thương hiệu các sản phẩm đặc trưng của địa phương.

- Chủ động nắm tình hình, diễn biến thị trường, thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát, kịp thời ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, buôn bán, vận chuyển hàng cấm, hàng giả, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ, hàng không đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trên địa bàn.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

c) Lĩnh vực xây dựng

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch đầu tư công trung hạn, đặc biệt là Kế hoạch đầu tư công năm 2026 và các Chương trình mục tiêu



quốc gia; ưu tiên các công trình giao thông nông thôn, thủy lợi, hạ tầng phục vụ sản xuất và dân sinh.

- Tăng cường phối hợp trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, đẩy nhanh tiến độ thi công. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, kịp thời tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện dự án. Phấn đấu tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công đạt 100% kế hoạch vốn được giao. Khối lượng giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án trên địa bàn theo tiến độ đạt 100%.

- Tăng cường quản lý trật tự xây dựng. Nâng cao hiệu quả quản lý xây dựng theo quy hoạch; kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp xây dựng không phép, trái phép. Đẩy mạnh tuyên truyền pháp luật về xây dựng đến người dân. Phối hợp các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, đảm bảo phát triển xây dựng đồng bộ, bền vững.

d) Lĩnh vực thương mại, dịch vụ và du lịch

- Phát triển hệ thống thương mại, dịch vụ trên địa bàn. Tạo điều kiện phát triển các loại hình kinh doanh thương mại – dịch vụ phù hợp với nhu cầu người dân. Hỗ trợ hộ kinh doanh đăng ký, cập nhật thông tin đầy đủ trong cơ sở dữ liệu. Khuyến khích mở rộng mạng lưới phân phối, đa dạng nguồn hàng, nâng cao chất lượng phục vụ. Góp phần thúc đẩy tăng trưởng ngành thương mại – dịch vụ đạt mục tiêu đề ra.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, thương mại điện tử. Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn các hộ kinh doanh ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt, sử dụng mã QR trong giao dịch. Tổ chức các lớp tập huấn về kỹ năng kinh doanh, thương mại điện tử, bán hàng trực tuyến. Phối hợp hỗ trợ kết nối tiêu thụ sản phẩm qua các nền tảng số. Qua đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh và năng lực cạnh tranh của hộ kinh doanh.

- Hỗ trợ khởi nghiệp, chuyển đổi mô hình kinh doanh. Tổ chức mở các lớp tập huấn về khởi nghiệp, quản trị kinh doanh. Hướng dẫn thủ tục pháp lý, tiếp cận chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Tạo môi trường thuận lợi cho kinh tế tư nhân phát triển, góp phần mở rộng quy mô sản xuất – kinh doanh và tăng thu ngân sách địa phương.

- Phát triển các loại hình du lịch sinh thái, về nguồn, cộng đồng, nông nghiệp, gắn với lợi thế địa hình của địa phương. Khuyến khích các mô hình dịch vụ trải nghiệm nông nghiệp, kết hợp giới thiệu sản phẩm OCOP địa phương. Đẩy mạnh liên kết hợp tác với các địa phương trong và ngoài tỉnh. Phối hợp xúc tiến quảng bá, giới thiệu một số sản phẩm của xã đã có thương hiệu.

2. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ những điểm nghẽn, khó khăn, vướng mắc cho sản xuất kinh doanh; cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, đẩy mạnh thu hút đầu tư

Tiếp tục triển khai quyết liệt, có hiệu quả Nghị quyết và Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân. Tiếp tục đẩy mạnh cải

thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; triển khai hiệu quả cơ chế “một cửa liên thông” và chuyển đổi số toàn diện trong tiếp nhận, giải quyết hồ sơ; tăng cường công tác đối thoại, kịp thời tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp.

3. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp tăng thu ngân sách và thúc đẩy giải ngân các nguồn vốn đầu tư năm 2026

- Thực hiện có hiệu quả các biện pháp quản lý thu, chi ngân sách; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong điều hành ngân sách, bảo đảm chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả. Rà soát, huy động đủ nguồn lực để thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ưu tiên chi đầu tư phát triển, nhất là các dự án trọng điểm, quan trọng, cấp bách; triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, nhất là các khoản chi chưa thực sự cần thiết. Tham mưu, đề xuất, điều hành có hiệu quả dự toán ngân sách Nhà nước năm 2026, đảm bảo hoàn thành dự toán thu ngân sách Hội đồng nhân dân xã giao (40,30 tỷ đồng); phấn đấu tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 51,953 tỷ đồng (theo Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh An Giang); thu nhập bình quân trên đầu người đạt 74 triệu đồng/người/năm theo Nghị quyết HĐND xã, phấn đấu đạt 80 triệu đồng/người/năm (theo Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh An Giang).

- Tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng chặt chẽ, có hiệu quả, đúng quy định của pháp luật về tài sản công, nhất là đất đai, trụ sở; rà soát, thực hiện việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đối với cơ sở nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn xã theo đúng quy định của pháp luật.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình trọng điểm và giải ngân vốn đầu tư công. Tập trung khai thác các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng; các dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt. Xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 và Kế hoạch đầu tư công năm 2026 theo quy định của pháp luật về đầu tư công. Thường xuyên rà soát điều chỉnh danh mục dự án đầu tư công, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn nhà nước, phù hợp với thực tế, đẩy nhanh tiến độ giải ngân.

4. Nhóm giải pháp cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, rà soát, đơn giản hóa và kiến nghị đơn giản hóa theo thẩm quyền các thủ tục hành chính để tạo thuận lợi, giảm thời gian và chi phí cho người dân và doanh nghiệp; nâng cao chất lượng giải quyết hồ sơ, thủ tục cho người dân và doanh nghiệp, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, dịch vụ công trực tuyến, đảm bảo tỷ lệ hồ sơ, thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền được giải quyết đúng hạn và trước hạn đạt 100%; tỷ lệ cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính tối thiểu 30%.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức trong thực thi nhiệm vụ. Thực hiện tốt công tác tiếp dân, tiếp nhận, phân loại và giải quyết các khiếu nại, tố cáo của công dân. Đẩy mạnh giải quyết các đơn thư khiếu tố thuộc thẩm quyền; thường xuyên kiểm tra tiến độ thực hiện của các cơ quan chức năng; tập

trung vào các vụ việc phức tạp để giải quyết dứt điểm không để tồn đọng, kéo dài; xem xét trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị có nhiều hạn chế. Thực hiện tốt công tác phòng chống tham nhũng năm 2026; đấu tranh, phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời các biểu hiện tham nhũng và lãng phí theo quy định. Tăng cường đối thoại giữa người đứng đầu chính quyền địa phương với Nhân dân. Phấn đấu đến cuối năm 2026 tỷ lệ giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền từ 95% trở lên.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Về công tác triển khai

- Căn cứ nội dung kế hoạch này giao các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND xã phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị - xã hội xã, Trưởng ấp các ấp trên địa bàn để triển khai thực hiện các giải pháp một cách đồng bộ và hiệu quả, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra. Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, thường xuyên theo dõi các hoạt động kinh tế, xã hội trên địa bàn nhằm kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân xã những giải pháp tháo gỡ vướng mắc của các cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã và các giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị nêu cao tinh thần, trách nhiệm chủ động, sáng tạo với tinh thần quyết tâm cao, hành động quyết liệt, chú trọng công tác phối hợp, nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt các mục tiêu theo kịch bản đã đề ra; thường xuyên kiểm tra đôn đốc, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, cập nhật báo cáo đầy đủ tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch, chương trình công tác của cơ quan, đơn vị mình cụ thể và đầy đủ; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện các giải pháp một cách đồng bộ và hiệu quả, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra theo từng quý của năm.

- Giao Phòng Kinh tế chủ trì, theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ theo kịch bản tăng trưởng năm 2026; định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân kết quả tổ chức thực hiện; tham mưu, đề xuất sửa đổi, bổ sung nếu cần thiết.

2. Chế độ báo cáo

2.1. Đối với các tháng

Báo cáo kết quả thực hiện hằng tháng: Các cơ quan, đơn vị gửi về Phòng Kinh tế **chậm nhất ngày 15 của tháng**. Giao Phòng Kinh tế tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân xã (qua Văn phòng HĐND và UBND xã) chậm nhất ngày **16 hằng tháng** và gửi báo cáo Sở Tài chính theo yêu cầu.

2.2. Đối với báo cáo Quý, 6 tháng, 9 tháng

- Các cơ quan, đơn vị gửi báo cáo ước kết quả thực hiện về Phòng Kinh tế chậm nhất: Trước ngày 16/3/2026 (báo cáo quý I); Trước ngày 16/6/2026 (báo cáo quý II và 6 tháng); trước ngày 16/9/2026 (báo cáo quý III và 9 tháng); trước ngày 16/12/2026 (báo cáo quý IV).

- Ngoài ra, căn cứ tình hình thực tế và yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Đảng ủy và Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã sẽ ban hành văn bản chỉ đạo cụ thể, giao Phòng Kinh tế chủ động theo dõi, tham mưu thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

2.3. Đối với báo cáo năm 2026

Căn cứ tình hình thực tế và hướng dẫn của Sở Tài chính, giao Phòng Kinh tế tham mưu Ủy ban nhân dân xã ban hành văn bản hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện và tổng hợp báo cáo tổng kết năm 2026 theo quy định.

* Đề nghị các cơ quan, đơn vị gửi báo cáo định kỳ tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm về Phòng Kinh tế và Văn phòng HĐND và UBND xã theo thời gian quy định trên.

Các cơ quan, đơn vị căn cứ kế hoạch kịch bản tăng trưởng này xây dựng kế hoạch chi tiết, chủ động đề ra các giải pháp khả thi, hiệu quả, tận dụng thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức, quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026 của xã Vĩnh Phong. *(Signature)*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- TT. Đảng ủy;
- TT. HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT.UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã;
- Trưởng các ấp trên địa bàn;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, Itctham.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Quốc Huy

PHỤ LỤC
CHỈ TIÊU KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ NĂM 2026
 (Kèm theo Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2026 của UBND xã Vĩnh Phong)

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026 (theo NQ HĐND xã)	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Chỉ tiêu phần đầu năm 2026	Cơ quan thực hiện
I	Chỉ tiêu kinh tế									
1	Tốc độ tăng tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn	%	27,47	25,58	10,23	17,91	20,46	25,58	25,58	Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với Thuế cơ sở 6 và các ngành có liên
	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	40,69	40,30	9,35	21,82	35,33	51,95	51,953	
2	Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn	%	6,77	11	7-8	10-11	12-13	13-14	11	Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với Thống kê cơ sở Vĩnh Phong và các ngành có liên quan
3	Tổng giá trị sản xuất một số ngành chủ yếu (giá 2010)	Tỷ đồng	3.067,900	3.436,591	1.374,636	2.405,614	2.749,273	3.436,591	3.436,591	
	Nông - Lâm - Thủy sản	Tỷ đồng	2.131,200	2.440,985	976,394	1.708,690	1.952,788	2.440,985	2.440,985	
	Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	936,700	995,606	398,242	696,924	796,485	995,696	995,606	
4	Thương mại - Dịch vụ (theo giá hiện hành)	Tỷ đồng	1.405,400	1.798,74	719,496	1.259,12	1.438,992	1.798,74	1.798,74	Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ấp trên địa bàn xã
5	Tổng sản lượng lúa	tấn	47.777,13	44.040,00	34.152,69	9.887,31	0	0	44.040,00	
6	Tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản	tấn	16.075,40	15.707,00	3.141,40	7.068,15	11.780,25	15.707,00	15.707,00	
	Trong đó: Sản lượng nuôi trồng	tấn	10.020,40	9.476,00	1.420,00	3.316,60	2.842,40	9.476,00	9.476,00	
	Trong đó: Sản lượng tôm	tấn	8.110,20	7.622,00	1.379,00	3.448,00	5.747,00	7.622,00	7.622,00	
7	Thành lập hợp tác xã	HTX	2	1				1	1	
8	Thành lập tổ kinh tế hợp tác	TKTHT	2	2				2	2	
9	Tổng chi ngân sách	Tỷ đồng	341,063	190,894	47,724	47,724	47,724	47,724	190,894	Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan
10	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	650.000	702.000	280.800	491.400	561.600	702.000	702.000	Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với Thống kê cơ sở Vĩnh Phong và các cơ quan, đơn vị có liên quan
11	Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công	%			25	25	25	25	100,000	Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, các ngành có liên quan
12	Khối lượng giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án trên địa bàn theo tiến độ	%			30	60	90	100	100,000	
II	Chỉ tiêu xã hội	%								
13	Thu nhập bình quân đầu người		70	74	71	72	73	74	80	Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với Thống kê cơ sở Vĩnh Phong và các cơ quan, đơn vị có liên quan
14	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền được giải quyết đúng hạn và trước hạn	%							100	Trung tâm phục vụ Hành chính công chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan
15	Tỷ lệ cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính	%							Tối thiểu 30%	
16	Tỷ lệ giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền	%							Từ 95% trở lên	Văn phòng HĐND và UBND xã chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan